TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2023/DS-ST
Ngày: 17/3/2023
V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh

2. Ông Trương Hữu Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc "tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS ngày 21/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1963; HKTT: Số 118/31, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1957; HKTT: Số 47A/31, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1997; HKTT: Số 118/31, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T có mặt. Bị đơn bà Hoàng Thị V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ngày 28/7/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày***:

Bà C và bà V không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là hàng xóm với nhau. Trước đây, vào cuối năm 2005, bà C là người sang nhượng lại phần đất và nhà cho bà V. Đến cuối năm 2006, bà V được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01711/QĐ-UB đứng tên bà Hoàng Thị V ghi ngày 22/12/2005. Tuy nhiên, theo UBND huyện D xác định tại Công văn số 1316/UBND-NC ngày 31/10/2016 thể hiện trong Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của TAND huyện D thì ngày cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01711/QĐ-UB cho bà Hoàng Thị V thể hiện ngày 22/12/2005 là không chính xác mà chính xác là ngày 22/12/2006. Sau khi bà C sang nhượng đất và nhà cho bà V thì bà C tiến hành xây dựng căn nhà khác trên phần đất còn lại, khi xây dựng nhà thì bà C cũng tiến hành xây dựng hàng rào trụ bằng bê tông, dây kẽm gai để xác định ranh giới đất giữa hai bên gia đình. Quá trình sử dụng đất, hai bên gia đình không xảy ra mâu thuẫn gì cho đến năm 2013.

Năm 2013, bà V có khởi kiện bà C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, bà V cho rằng bà C đã tự ý nhổ hàng rào dời qua đất bà V 12,2 m^2 và kết quả là Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V theo Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của TAND huyện Dầu Tiếng và Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2017/DS-PT ngày 24/3/2017 của TAND tỉnh Bình Dương. Kết quả giải quyết vụ án không thay đổi gì về diện tích đất, hiện trạng khu đất và giữ nguyên hàng rào ranh đất nên hai bên không có yêu cầu thi hành án. Hàng rào này hiện nay vẫn còn nguyên hiện trạng.

Đến tháng 01/2022, bà C thực hiện sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con trai là anh T thì có nhờ bà V ký xác nhận ranh giới đất để hoàn thành thủ tục sang tên thì bà V tiếp tục phản đối. Bà V cho rằng không đồng ý với kết quả giải quyết của hai cấp Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mà đang khiếu nại lên Tòa án cấp trên. Sau đó bà V có hành vi dùng 02 tấm tol và 03 cái cửa cũ che chắn ngang cửa sổ nhà của bà C làm cho nước mưa thấm dột vào nhà của bà C.

Nay, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V phải tháo dỡ những vật dụng gồm: 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che ngang cửa sổ nhà bà C (treo ngang trên cửa sổ); 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (tấm Tol dựng đứng) và 03 cửa sổ bằng gỗ đã cũ, kích thước ngang 0,8 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (03 cửa sổ bằng gỗ dựng đè lên tấm Tol dựng đứng) chắn vào nhà và đè lên hàng rào gây cản trở, ảnh hưởng đến việc sử dụng tài sản trên phần đất có diện tích 507 m^2 thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại số 118/31, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của gia đình bà C.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà C cung cấp*: Đơn khởi kiện ngày 28/7/2022 của bà C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 04978/QĐ-UB ngày

21/9/2006 được UBND huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C (bản sao); Bản án số 79/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của TAND huyện D (bản sao); Bản án số 59/2017/DS-PT ngày 24/3/2017 của TAND tỉnh Bình Dương (bản sao); Văn bản trình bày ý kiến ngày 28/7/2022 của bà C; Bản tự khai ngày 14/9/2022 của bà C.

**** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án bị đơn bà Hoàng Thị V***:

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà V thì bà V có nhận nhưng từ chối ký nhận. Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng định giá tài sản tranh chấp tiến hành định giá thì bà V có chứng kiến nhưng không ký xác nhận vào biên bản. Bà V không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa. Bà V có cung cấp chứng cứ là: Văn bản trình bày ý kiến ngày 17/10/2022 (bản chính); đơn tố cáo ngày 17/10/2022 (bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01711/QĐ-UB ngày 22/12/2005 được UBND huyện D cấp cho bà Hoàng Thị V (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 04978/QĐ-UB ngày 21/9/2006 được UBND huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C (bản sao); Quyết định về thu hồi đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5087/QĐ-UBND ngày 03/01/2007 của UBND huyện D (bảo sao); 02 bức hình chụp.

Theo "Văn bản trình bày ý kiến" ngày 17/10/2022 của bà V, xác định: Năm 2005, bà V có nhận chuyển nhượng của bà C một phần đất có chiều ngang đầu trên là 07 m, chiều ngang đầu dưới là 8,5 m, khi đó bà V có đóng cọc sắt ở 02 đầu khu đất và có trồng hàng cây bông (các loại hoa) theo ranh đất. Quá trình sử dụng đất, bà V được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01711/QĐ-UB ngày 22/12/2005 đứng tên bà Hoàng Thị V đối với diện tích 351 m^2 thuộc thửa đất số 325, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bà V cho rằng quá trình sử dụng đất bị bà C nhổ trụ di dời cắm trụ xi măng và hàng rào kẽm gai qua phần đất của bà V có diện tích 12,2 m^2 nên việc dựng 02 tấm tol và 03 của cũ là đúng. Do đó, bà V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

**** Tại bản tự khai ngày 07/02/2023 cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T trình bày*:**

Anh T là con ruột và đang sinh sống cùng nhà với bà C. Anh T thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà C, không trình bày bổ sung.

- *Chứng cứ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T cung cấp*: Đơn đề nghị tham gia tố tụng ngày 07/02/2023; bản tự khai ngày 07/02/2023.

* ***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã

tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C có mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T có mặt. Bị đơn bà V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà V theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp "tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà C có mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T có mặt. Bị đơn bà V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà V theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, bà C và anh T xác định yêu cầu khởi kiện là buộc bà V phải tháo dỡ những vật dụng gồm: 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che ngang cửa sổ nhà bà C (treo ngang trên cửa sổ); 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (tấm Tol dựng đứng) và 03 cửa sổ bằng gỗ đã cũ, kích thước ngang 0,8 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (03 cửa sổ bằng gỗ dựng đè lên tấm Tol dựng đứng) chắn vào tường nhà và đè lên hàng rào gây cản trở, ảnh hưởng đến việc sử dụng tài sản trên phần đất thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại số 118/31, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của gia đình bà C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04978/QĐ-UB ngày 22/9/2006 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim C. Xét thấy, bị đơn bà V có nơi cư trú tại khu phố 7, thị trấn D, huyện D và hành vi cho rằng trái pháp luật xảy ra tại khu phố 7, thị trấn D, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật". Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T có mặt, bị đơn bà V vắng mặt, do đó các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Tài sản bà C và anh T tranh chấp yêu cầu buộc bà V phải tháo dỡ những vật dụng gồm: 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che ngang cửa sổ nhà bà C (treo ngang trên cửa sổ); 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (tấm Tol dựng đứng) và 03 cửa sổ bằng gỗ đã cũ, kích thước ngang 0,8 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (03 cửa sổ bằng gỗ dựng đè lên tấm Tol dựng đứng) được xem xét, thẩm định tại chỗ theo biên bản ngày

08/11/2022 và được định giá có trị giá là 128.000 đồng (*một trăm hai mươi tám nghìn đồng*) theo biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 08/02/2023.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Trước đây, vào năm 2005, bà C là người sang nhượng lại phần đất và nhà cho bà V; đến cuối năm 2006, bà V được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 01711/QĐ-UB ngày 22/12/2005 (ngày 22/12/2006) đứng tên bà Hoàng Thị V. Hai bên gia đình sử dụng đất có xác định ranh giới bằng hàng rào cột bê tông dây kẽm gai. Năm 2013, bà V khởi kiện bà C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và kết quả là Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V theo Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2016/DS-ST ngày 28/12/2016 của TAND huyện Dầu Tiếng và Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2017/DS-PT ngày 24/3/2017 của TAND tỉnh Bình Dương. Kết quả giải quyết vụ án, không thay đổi gì về diện tích đất, giữa nguyên hiện trạng khu đất theo ranh giới là hàng rào kẽm gai nên hai bên không có yêu cầu thi hành án. Ranh giới đất đai giữa hai bên gia đình là hàng rào kẽm gai do bà C xây dựng từ năm 2006 và giữa nguyên hiện trạng cho đến nay. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được thì có căn cứ xác định bà V đã có hành vi treo 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che ngang cửa sổ nhà bà C (treo ngang trên cửa sổ); dựng 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (tấm Tol dựng đứng) và dựng 03 cửa sổ bằng gỗ đã cũ, kích thước ngang 0,8 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (03 cửa sổ bằng gỗ dựng đè lên tấm Tol dựng đứng) là hành vi cản trở trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp và tài sản hợp pháp là căn nhà, hàng rào trụ bê tông dây kẽm gai của bà C và anh T nên cần phải buộc bà V phải tháo dỡ di dời đi nơi khác.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[6] Chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản tranh chấp là 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*), bà V phải chịu theo quy định. Do, bà C đã nộp xong nên buộc bà V phải nộp để hoàn trả lại cho bà C.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Mặc dù, bà Hoàng Thị V, sinh năm 1957 là thuộc trường hợp người cao tuổi (Điều 2 Luật Người cao tuổi) và có thể được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng bà V không có đơn nên theo hướng dẫn tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30 tháng 6 năm 2020 thì bà V vẫn phải chịu. Do đó, bị đơn bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 158, 159, 163, 169 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 12, 26, 166, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật" của bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Hoàng Thị V.

Buộc bà Hoàng Thị V phải tháo dở, di dời toàn bộ các tài sản gồm: 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che ngang cửa sổ nhà bà C (*treo ngang trên cửa sổ*); 01 tấm Tol kích thước ngang 01 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (*tấm Tol dựng đứng*) và 03 cửa sổ bằng gỗ đã cũ, kích thước ngang 0,8 m, dài 02 m che cửa sổ nhà bà C (*03 cửa sổ bằng gỗ dựng đè lên tấm Tol dựng đứng*) chắn vào tường nhà và đè lên hàng rào trụ bê tông dây kẽm gai gây cản trở, ảnh hưởng đến việc sử dụng tài sản là căn nhà và phần đất thuộc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại số 118/31, đường V, khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của gia đình bà C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 04978/QĐ-UB ngày 22/9/2006 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim C.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản tranh chấp là 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*), bà Hoàng Thị V phải chịu theo quy định. Do bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp xong nên buộc bà V phải nộp để hoàn trả lại cho bà C.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Hoàng Thị V phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0010806 ngày 03/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 17/3/2023).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng